

## KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DƠI Ở VƯỜN QUỐC GIA CHƯ MƠM RAY TỈNH KON TUM VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SÔNG THANH, TỈNH QUẢNG NAM

NGUYỄN TRƯỜNG SON, VŨ ĐÌNH THỐNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray, tỉnh Kon Tum và Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam được biết đến là nơi có tính đa dạng động vật cao. Đặc biệt, hai khu vực này có nhiều loài thú lớn quý hiếm sinh sống; bao gồm: Bò tót, Bò rừng, Chà vá chân đen, Chà vá chân xám, Chà vá chân nâu, Vượn, Khỉ mặt đỏ, Khỉ đuôi lợn, Khỉ đuôi dài, Hồ, Báo hoa mai, Gấu ngựa, Gấu chó, Nai... Tuy nhiên, các loài thú nhỏ như gặm nhấm, dơi, thú ăn sâu bọ còn ít được quan tâm nghiên cứu ở hai khu vực này từ năm 2008 đến 2010. Vũ Đình Thống và cộng sự (2005) đã công bố 7 loài dơi ghi nhận được ở Chư Mom Ray.

Trong khuôn khổ của Chương trình Động vật chí, Thực vật chí Việt Nam và Chương trình Đánh giá tác động của chất độc dioxin, các nghiên cứu về dơi đã được tiến hành ở hai khu vực này. Kết quả điều tra đã bổ sung một số dẫn liệu về thành phần loài dơi ở khu vực nghiên cứu.

### I. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Quá trình điều tra được thực hiện qua 3 đợt: Từ 20 tháng 6 đến ngày 2 tháng 7 năm 2008; từ 18 tháng 5 đến 30 tháng 5 năm 2009 và từ 22 tháng 5 đến 2 tháng 6 năm 2010. Địa điểm thu mẫu dơi bao gồm: Khu vực xã Rờ Koi và trạm Đắc Tao thuộc vùng lõi của VQG Chư Mom Ray; khu vực các xã Chà Val, xã Tabhinh và xã Long Viên của khu BTTN Sông Thanh.

#### 2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.1. Phương pháp thu thập mẫu dơi

Sử dụng lưới mờ: Lưới có kích thước khác nhau (6 x 3m, 9 x 3m) đã được đặt ngang qua các đường mòn, suối hay gần vị trí xác định có thể có dơi cư trú như các hang động. Lưới thường được mở từ 18:00 đến 23:00 và 4:00 - 5:00 sáng hôm sau. Bẫy thụ cầm: Có kích cỡ 1,2 m x 1,5 m. Ưu điểm của bẫy thụ cầm là không làm chấn thương dơi. Bẫy được đặt ngang các lối mòn giao nhau trong rừng, trước cửa rừng, ngang các suối cạn, suối nhỏ hẹp có tán cây khép kín ở phía trên hay trước các cửa hang nhỏ.

##### 2.2. Các thông tin cần thu thập cho mẫu vật

Tất cả các mẫu dơi thu được sẽ thu thập các số đo về chiều dài cẳng tay (FA), định loại sơ bộ, giới tính và thời gian bắt. Các phiếu điều tra mẫu vật chi tiết được lập, với đầy đủ các thông tin ghi nhận về kích thước: Chiều dài thân (HB), dài đuôi (T), dài tai (E), dài bàn chân (HF), chiều dài các ngón của cánh cũng được xác định (đối với các loài dơi). Sau khi hoàn thành các thông tin cần thiết, mẫu sẽ được thả ngay nếu xác định được chính xác tên khoa học. Các mẫu nghi vấn sẽ được giữ làm tiêu bản nghiên cứu. Mẫu sẽ được định hình trong Formalin 10% trong thời gian 8-10 giờ. Sau khi mẫu bỏ ra khỏi Formalin sẽ được làm sạch bằng nước và bảo quản trong cồn 70%. Các mẫu thu thập được sẽ lưu giữ và tiếp tục được phân tích tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Thành phần loài

Qua thời gian khảo sát, chúng tôi đã thu được 153 cá thể thu thập được, tham khảo các tài liệu đã công bố, đã xác định được 24 loài dơi thuộc 4 họ. Danh sách loài được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1

**Danh sách các loài dơi ghi nhận được ở các điểm nghiên cứu**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	CMR	ST
	<b>1. Họ Dơi quạ</b>	<b>Pteropodidae Gray, 1821</b>		
1.	Dơi chó cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i> (Vahl, 1797)	M	M
2.	Dơi quạ không đuôi lớn	<i>Megaerops niphanae</i> Yenbutra và Felten, 1983		M
	<b>2. Họ Dơi lá mũi</b>	<b>Rhinolophidae Gray, 1825</b>		
3.	Dơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i> Horsfield, 1823	M	M
4.	Dơi lá sa-đen	<i>Rhinolophus chaseni</i> (Sanborn, 1939)	M	
5.	Dơi lá tai dài	<i>Rhinolophus macrotis</i> Blyth, 1844	[10]	
6.	Dơi lá mũi phẳng	<i>Rhinolophus malayanus</i> Bonhote, 1903	M	
7.	Dơi lá péc-xôn	<i>Rhinolophus pearsoni</i> Blyth, 1844	[10]	
8.	Dơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i> Temminck, 1834	M	M
9.	Dơi lá mũi sa-men	<i>Rhinolophus shameli</i> Tate, 1943	M	
	<b>3. Họ Dơi nếp mũi</b>	<b>Hipposideridae Lydekker, 1891</b>		
10.	Dơi nếp mũi không đuôi	<i>Coelops frithii</i> Blyth, 1848	M	
11.	Dơi nếp mũi lông đen	<i>Hipposideros cineraceus</i> Blyth, 1853		M
12.	Dơi nếp mũi nâu	<i>Hipposideros galeritus</i> Canter, 1846	M	
13.	Dơi nếp mũi xám	<i>Hipposideros larvatus</i> (Horsfield, 1823)	M	M
14.	Dơi nếp mũi xanh	<i>Hipposideros pomona</i> K. Andersen, 1918	M	M
15.	Dơi mũi tro	<i>Hipposideros ater</i> Templeton, 1848	[10]	
	<b>4. Họ Dơi muỗi</b>	<b>Vespertilionidae Gray, 1821</b>		
16.	Dơi	<i>Pipistrellus</i> sp.	M	
17.	Dơi rô-bút	<i>Tylonycteris robustula</i> Thomas, 1915	[10]	
18.	Dơi chân đệm thịt	<i>Tylonycteris pachypus</i> (Temminck, 1840)	M	M
19.	Dơi tai cánh ngắn	<i>Myotis horsfieldii</i> (Temminck, 1840)	[10]	
20.	Dơi tai sọ cao	<i>Myotis siligorensis</i> (Horsfield, 1855)	[10]	
21.	Dơi mũi ống tai tròn	<i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872	M	M
22.	Dơi mũi ống lông chân	<i>Murina tubinaris</i> (Scully, 1881)	[10]	
23.	Dơi mũi nhẵn xám	<i>Kerivoula hardwickii</i> (Horsfield, 1824)	M	M
24.	Dơi mũi nhẵn	<i>Kerivoula tinia</i> Bates et al, 2007	M	M
<b>Tổng</b>			<b>22</b>	<b>11</b>

Ghi chú: M: Mẫu, ĐT: Điều tra, [10]: Vũ Đình Thống và cs. (2005); CMR: Chư Mom Ray, ST: Sông Thanh.

**2. Đánh giá mức độ đa dạng sinh học**

**2.1. Đa dạng về cấu trúc thành phần loài**

Với 24 loài ghi nhận được cho cả hai khu vực cho thấy, họ Dơi muỗi Vespertilionidae chiếm ưu thế với 9 loài (37,5% tổng số loài), tiếp đến là họ Dơi lá mũi Rhinolophidae 7 loài (9,16% tổng số loài), họ Dơi nếp mũi Hipposideridae, 6 loài (25% tổng số loài), họ Dơi quạ Pteropodidae kém ưu thế nhất với 2 loài (8,3% tổng số loài).

2.2. Tần suất bắt gặp một số loài và độ ưu thế

Bảng 2

Số lượng cá thể thu được ở các khu vực nghiên cứu

Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chư Mom Rây	Sông Thanh
Dơi chó cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i>	6	3
Dơi quả không đuôi lớn	<i>Megaerops niphanae</i>	1	
Dơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i>	17	6
Dơi lá sa-đen	<i>Rhinolophus chaseni</i>	5	
Dơi lá mũi phẳng	<i>Rhinolophus malayanus</i>	5	
Dơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i>	9	6
Dơi lá mũi sa-men	<i>Rhinolophus shameli</i>	4	
Dơi nếp mũi không đuôi	<i>Coelops frithii</i>	1	
Dơi nếp mũi nâu	<i>Hipposideros galeritus</i>	4	
Dơi nếp mũi xám	<i>Hipposideros larvatus</i>	28	2
Dơi nếp mũi xanh	<i>Hipposideros pomona</i>	10	4
Dơi chân dẹt thịt	<i>Tylonycteris pachypus</i>		1
Dơi	<i>Pipistrellus sp.</i>	1	
Dơi mũi ống tai tròn	<i>Murina cyclotis</i>	6	3
Dơi mũi nhẵn xám	<i>Kerivoula hardwickii</i>	8	4
Dơi mũi nhẵn	<i>Kerivoula titania</i>	3	2
<b>Tổng số mẫu</b>		<b>120</b>	<b>33</b>

Với 1.970 giờ lưới, 38 đêm bẫy thụ cầm ở các khu vực nghiên cứu, chúng tôi đã thu được 120 cá thể tại VQG Chư Mom Rây và 33 cá thể ở Khu BTTN Sông Thanh. Tần suất bắt gặp được thể hiện ở Biểu đồ 1 dưới đây. Việc đánh giá tần suất bắt gặp cũng như độ ưu thế của loài được thể hiện qua số mẫu vật của loài thu thập được, những loài có tần suất bắt gặp cao, thu thập được trên 10 cá thể trở lên được đánh giá là những loài rất ưu thế; từ 5-10 cá thể là loài ưu thế; dưới 5 cá thể là quần thể ở mức trung bình và duy nhất chỉ thu được 1 cá thể, quần thể của loài được đánh giá là hiếm trong khu vực.

Biểu đồ 1: Tần suất bắt gặp loài dơi và độ ưu thế

Qua Bảng 2, biểu đồ trên cho thấy, mức độ Rất ưu thế thuộc về các loài: *Hipposideros larvatus*, *Hipposideros pomona*, *Rhinolophus affinis*; Ưu thế gồm các loài: *Cynopterus sphinx*, *Rhinolophus chaseli*, *Rhinolophus malayanus*, *Rhinolophus sinicus*, *Murina cyclotis*, *Rhinolophus pusillus*, *Hipposideros pomona*, *Kerivoula hardwickii*. Quần thể ở mức độ trung bình, gồm các loài: *Cynopterus brachyotis*, *Megaerops niphanae*, *Rhinolophus lepidus*, *Rhinolophus shameli*, *Coelops frithii*, *Hipposideros galeritus*, *Tylonycteris pachypus*, *Pipistrellus* sp., *Kerivoula titania*. Các loài hiếm gặp, gồm: *Megaerops niphanae*, *Coelops frithii* và 1 loài thuộc họ Dơi muỗi thuộc giống *Pipistrellus*, mẫu vẫn đang tiếp tục được phân tích.

### 3. Sự ảnh hưởng của sinh cảnh đến việc cư trú loài

Hiện tại hai khu vực, việc khai thác gỗ trái phép, phát rừng, canh tác nương rẫy của đồng bào dân tộc vẫn diễn ra thường xuyên ở gần các khu vực rừng thứ sinh, đôi khi cả trong vùng lõi của VQG và Khu BTTN. Tập quán bẫy bắt động vật vẫn là thói quen của đồng bào dân tộc. Họ vẫn thường xuyên vào rừng bẫy bắt động vật, một số người dân vẫn tìm đến các khu vực hang động để bắt dơi ăn thịt.

### III. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 24 loài dơi thuộc 4 họ, trong đó 22 loài ghi nhận ở VQG Chư Mom Ray và 12 loài ghi nhận ở KBTTN Sông Thanh. Chiếm ưu thế là các loài thuộc họ Dơi muỗi Vespertilionidae, tiếp đến họ Dơi lá mũi Rhinolophidae, họ Dơi nếp mũi Hipposideridae và cuối cùng là họ Dơi quả Pteropodidae. Qua tần suất bẫy bắt cùng với mẫu vật thu được đã cho thấy độ phong phú của các loài. Rất ưu thế thuộc về các loài: *Hipposideros larvatus*, *Hipposideros pomona* và *Rhinolophus affinis*. Ưu thế gồm các loài: *Cynopterus sphinx*, *Rhinolophus chaseni*, *Rhinolophus malayanus*, *Murina cyclotis*, *Rhinolophus pusillus*, *Kerivoula hardwickii*. Quần thể ở mức độ trung bình, gồm các loài: *Cynopterus brachyotis*, *Megaerops niphanae*, *Rhinolophus lepidus*, *Rhinolophus shameli*, *Coelops frithii*, *Hipposideros galeritus*, *Tylonycteris pachypus*, *Pipistrellus* sp, *Kerivoula titania*. Các loài hiếm gặp, gồm: *Megaerops niphanae*, *Coelops frithii*.

Tập quán canh tác, khai thác lâm sản, săn bắt động vật hoang dã của đồng bào dân tộc, đặc biệt là khu vực dân sống gần rừng có ảnh hưởng không nhỏ đến suy giảm đa dạng sinh học ở hai khu vực nghiên cứu. Việc tuyên truyền giáo dục, chính sách hỗ trợ cũng như tăng cường kiểm soát chặt chẽ của chính quyền địa phương phối hợp với lực lượng kiểm lâm là rất cần thiết làm giảm thiểu tối đa các áp lực đến rừng tự nhiên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Barney Long**, 2005: Thesis submitted for the degree of Doctor of Philosophy in Biodiversity Management Durrell Institute of Conservation and Ecology, University of Kent. 286 pp.
2. **Borissenko A. V., S. V. Kruskop**, 2003: Bats of Vietnam and Adjacent Territories, an Identification Manual, Zoological Museum of Moscow, Russia.
3. **Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ảnh, Hoàng Minh Khiên**, 1994: Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam, NXB. KH&KT, Hà Nội, 168 tr.
4. **Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Lê Xuân Cảnh, Phạm Trọng Ảnh, Nguyễn Xuân Đặng, Hoàng Minh Khiên, Nguyễn Minh Tâm**, 2007: Động vật chí Việt Nam, NXB. KH&KT, Hà Nội, tập 25, 362 tr.

5. **Đặng Ngọc Cấn, Hideki Endo, Nguyễn Trường Sơn, Tatsuo Oshida, Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Darrin Peter Lunde, Shin Ichiro Kawada, Hayashida Akiko, Sasaki Motoki**, 2008: Danh lục các loài thú hoang dã Việt Nam, Sakkado Book Saller, 400 pp.
6. **IUCN**, 2010: 2010 IUCN Red List of Threatened Species. <<http://www.iucnredlist.org>>.
7. **Hendrichsen D. K., P. J. J. Bates, J. L. Walston, B. D. Hayes**, 2001: *Myotis*, 39: 35-122.
8. **Lê Vũ Khôi**, 2000: Danh lục các loài thú ở Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 139 tr.
9. **Lê Vũ Khôi, Vũ Đình Thống**, 2005: *Tạp chí Sinh học*, 27(4A): 51-59.
10. **Vũ Đình Thống, Phạm Đức Tiến, Lê Vũ Khôi, Hoàng Trung Thành**, 2005: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, NXB. KH&KT, Hà Nội, 305-308.

**RECENT BAT SURVEYS  
IN CHU MOM RAY NATIONAL PARK (KON TUM PROVINCE)  
AND SONG THANH NATURE RESERVE (QUANG NAM PROVINCE)**

NGUYEN TRUONG SON, VU DINH THONG

SUMMARY

Between 2008 and 2010, we conducted a series of bat surveys in Chu Mom Ray National Park (CMRNP) and Song Thanh Nature Reserve (STNR) and recorded a total of 26 species from these two areas. With data from previous publications, the bat faunas of CMRNP and STNR currently consist of 24 and 12 species, respectively. Of which, *Hipposideros larvatus*, *H. pomona*, and *Rhinolophus affinis* appear to be the most common species in these areas. Additionally, *Cynopterus sphinx*, *R. chaseni*, *R. malayanus*, *R. pusillus*, *Murina cyclotis*, and *Kerivoula hardwickii* were also frequently captured over the surveys. The results also include 6 rare species: *Megaerops niphanae*, *R. shameli*, *H. galeritus*, *Coelops frithii*, *Tylonycteris pachypus*, *Kerivoula titania*, and an unknown pipistrelle, *Pipistrellus* sp. Unfortunately, forests together with biodiversity values of these two areas have been decreased by illegal exploitation, hunting and other activities. Therefore, campaigns for conservation of natural forests with emphasis on bat species within these sites are required.